

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST.  
Ngày 18-3-2021  
V/v Ly hôn, tranh chấp về con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Vương Văn Mù;

Ông Ngô Minh Lý

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Hữu Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 501/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXX-ST ngày 05 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1992; cư trú tại: Ấp A, xã BĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Trần M, sinh năm 1989; cư trú tại: Ấp PT, xã PC, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 9 năm 2020 và bản tự khai - nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Trần M tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới. Đến năm 2010, vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PC. Sau khi cưới, vợ chồng chị chung sống tại nhà cha mẹ của anh M. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh M cờ bạc, không lo làm ăn, bỏ bê công việc, không chăm sóc gia

đình; vợ chồng thường xuyên gây gổ với nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trần Hải Đ, sinh ngày 14-02-2010, hiện đang sống với anh M.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không có.

Nay chị yêu cầu ly hôn với anh M. Về con chung: Chị đồng ý giao cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng, chị không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Trần M là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên không thể hiện lời khai của anh M.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn Trần M.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Hải Đ, sinh ngày 14-02-2010 cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng; chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh M không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Chị T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Trần M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh M.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh M chung sống với nhau vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PC, huyện TB (nay là thị xã TB), tỉnh Tây Ninh. Chị T và anh M chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T trình bày là do anh M cờ bạc, không lo làm ăn, bỏ bê công việc, không chăm sóc gia đình. Qua

xác minh người thân của anh M xác nhận: anh M có nhận được giấy triệu tập của Tòa án tuy nhiên bận đi làm nên không đến Tòa án tham gia tố tụng. Trong thời gian, chị T và anh M sống chung với gia đình bên chồng thì giữa chị T và anh M thường xuyên cãi vã và chị T bỏ đi nước ngoài.

Ngoài ra, vào năm 2019, chị T đã nộp đơn ly hôn với anh M. Tòa án đã tiến hành làm việc với anh M vào ngày 25-9-2019, anh M đồng ý ly hôn với chị T, con chung yêu cầu tiếp tục nuôi, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Sau đó, do chị T được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Nay chị T tiếp tục yêu cầu ly hôn, do đó, xét tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trần Hải Đ, sinh ngày 14-02-2010. Hiện nay, cháu Đ đang sống với anh M. Qua hỏi ý kiến cháu Đ có nguyện vọng theo sống với anh M. Do đó, để đảm bảo sự phát triển ổn định cho cháu Đ cần giao cháu Đ cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận anh M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn Trần M.

Chị Nguyễn Thị Hồng T được ly hôn với anh Nguyễn Trần M.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Hải Đ, sinh ngày 14-02-2010 cho anh M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh M không yêu cầu.

Chị T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0014577 ngày

05 tháng 10 năm 2020 của Chi cục T hành án dân sự thị xã Trảng Bàng; anh Thương đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết theo quy định pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TX.Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX.Trảng Bàng;
- UBND xã PC;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Cẩm**